TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **26/**2025/HNGĐ-ST
Ngày 13/02/2025
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Thuở

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà M Thị Nhặc
2. Ông Nguyễn Chí Thành

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Kim Quyên - Thư ký Tòa án.

Ngày 13 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 538/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2024 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2025/QĐXXST –HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1966

Địa chỉ: ấp T, xã M, huyện M, tỉnh B

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1965

Địa chỉ: ấp T, xã M, huyện M, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn P kết hôn với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Minh Đức, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Quá trình chung sống thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên vợ chồng ly thân từ tháng 3 năm 2024 đến nay, nhận thấy tình cảm đã không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông P. Bà và ông P có 04 con chung tên là Nguyễn Thị Y sinh ngày 11/5/1989, Nguyễn Thị Thúy A sinh ngày 03/02/2004, Nguyễn Trung Q sinh ngày 07/10/1992, Nguyễn Thị Th sinh ngày 21/12/1990 đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét giải quyết. Tài sản chung và nợ chung không có.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn P đều vắng mặt nên không có lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn P nên quan hệ pháp luật là tranh Ly hôn theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn ông Nguyễn Văn P có nơi cư trú tại xã Minh Đức, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam thụ lý giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Bị đơn ông Nguyễn Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông P theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn P xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn vào năm 2005 theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên bà M yêu cầu ly hôn với ông P. Xét thấy, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông P để tham gia hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà M nhưng ông đều vắng mặt, đồng thời không có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà M, điều đó chứng tỏ ông P đã không có thiện chí đối với mối quan hệ vợ chồng với bà M. Do đó có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân của bà M và ông P đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M đối với ông P.

[2.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị M ông Nguyễn Văn P có 04 con chung tên là Nguyễn Thị Y sinh ngày 11/5/1989, Nguyễn Thị Thúy A sinh ngày 03/02/2004, Nguyễn Trung Q sinh ngày 07/10/1992, Nguyễn Thị Th sinh ngày 21/12/1990 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà M khai bà và ông P không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng bà M phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ;

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M được ly hôn với ông Nguyễn Văn P.

2. Về con chung: Các con chung của bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn P đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn P không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị M phải nộp số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004980 ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre (Bà M đã nộp đủ án phí).

5. Về quyền kháng cáo: Bà M có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông P (vắng mặt tại phiên tòa) có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp, bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- CCTHADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- UBND xã Minh Đức (1b)
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ, VP (3b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Thuở